

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số: 106/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N, ngày 12 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân thụ lý số 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1991;

ĐKTT: 42 đường M, hẻm 2, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Thị Việt T1**, sinh năm 1995;

ĐKTT: 127 Khu vực T2, phường T3, quận T4, thành phố Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia H (Nữ), sinh ngày 11/02/2014. Cả hai thống nhất giao cháu H cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T1 thống nhất không có nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn tại Trung tâm hòa giải, đối thoại, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Việt T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà T1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà thống nhất không có nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình: Ông T và bà T1 mỗi người chịu 150.000 đồng. Ông T tự nguyện nộp thay cho bà T1 150.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng lệ phí ông T đã nộp theo Biên lai thu số 000315 ngày 05/4/2019 thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND Q.N;
- Đương sự;
- UBND phường T3;
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân.

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ